

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/DS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Đặng Thị Đồng

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 và ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **117/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, về** tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 97, đường Ngô Thát Sơn, khu phố Y, TT CT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền – Trợ giúp viên pháp lý, của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1948; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Trương Thị Phương, sinh năm

1992; cư trú tại: Ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 22-7-2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 97, đường Ngô Thất Sơn, khu phố Y, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; là vợ ông P; có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 04, đường Xuân Hồng, khu phố X, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.3. Ông Nguyễn Quốc Ph, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Kiều Ph1, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp X R, xã T B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.8. Ông Nguyễn Phi S1, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 119, tổ 4, ấp L C, xã L V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.9. Bà Nguyễn Thị Kiều Ch, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 40, đường Đ Đ, phường T L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 19, đường Phạm Văn Chiêu, khu phố C, Phường L, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.11. Bà Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.12. Quỹ tín dụng nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân huyện Châu Thành: Bà Thi Kim L, sinh năm 1985 – Chức vụ: Giám đốc; (không triệu tập).

4. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Q – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-9-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:

Vợ chồng ông sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 14, diện tích 129,9 m², tọa lạc tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nguồn gốc do mẹ vợ ông là cụ bà Nguyễn Thị H tặng cho vào đầu năm 2018, vợ chồng ông đã được

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03650 ngày 18-6-2018.

Đất ông Long, bà Q sử dụng thửa 38, tờ bản đồ số 14 liền kề với đất của ông, được phân ranh bởi 02 đoạn bức tường do bà H (mẹ vợ ông) xây vào năm 1993 ngang 0,13m, dài 9,67 m, lúc đó bà Q không có ý kiến gì cả.

Tháng 4-2018, ông phá bỏ căn nhà cũ của bà Hoa để xây lại nhà mới nhưng để lại bức tường cũ giáp ranh đất ông Long, bà Q và xây dựng nối tiếp lên làm nhà ở. Hiện bức tường gắn liền với đất tranh chấp gồm hai phần: Phần phía trước là tường cũ, không gắn liền với kết cấu nhà; phần thứ hai ông xây nối tiếp với phần phía trước, gắn liền với kết cấu nhà ở của ông. Khi nhà ông gần hoàn thiện, bà Q ngăn cản và yêu cầu ông đập bỏ bức tường ranh, bà cho rằng bức tường do bà H xây dựng trước đó đã lấn chiếm đất của bà Q. Sau đó, bà Q khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, yêu cầu trả lại diện tích đất bị lấn chiếm. Kết quả đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp là 2,6 m². Tại Tòa, hai bên thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án như sau: Ông chấp nhận tháo dỡ phần tường phía trước (không gắn với kết cấu nhà ông xây) để trả lại khoảng 0,5 m ngang đất giáp đường và bồi thường cho bà Q số tiền 24.500.000 đồng; bà Q chấp nhận với thỏa thuận và rút đơn khởi kiện. Vụ án đình chỉ nhưng ông không thực hiện được thỏa thuận vì bà Q thay đổi ý kiến.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định 2,6 m² đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông.

Bị đơn bà Bùi Thị Q và người đại diện theo ủy quyền tại cấp sơ thẩm của bà Q là bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Cha bà là ông Nguyễn Văn L (đã chết năm 2013) và mẹ là bà Bùi Thị Q sử dụng thửa số 38, tờ bản đồ số 14, diện tích 220,20 m², tọa lạc tại: Tổ 6, KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất của ông bà nội bà là cụ ông Nguyễn Văn T và cụ bà Nguyễn Thị M. Năm 1975, cụ Tuyết và cụ M tặng cho hai con là ông L và ông Nguyễn Văn Tr mỗi người một phần đất, liền kề nhau, có hàng rào kẽm gai là ranh. Ông Tr sử dụng đất hơn 20 năm thì chuyển nhượng cho người khác, người này chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị H. Bà H phá bỏ hàng rào kẽm gai của gia đình bà Q và xây bức tường mặt tiền để bán hàng tạp hóa nay gần 20 năm. Bà Q không biết đất bị lấn chiếm nên không phản đối. Sau đó, bà Q phát hiện vách tường lấn sang đất của bà nên yêu cầu bà H tháo dỡ vách tường, trả lại đất lấn chiếm; bà H đồng ý và hứa hẹn sẽ điều chỉnh lại ranh đất cho đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi xây dựng lại nhà kiên cố. Đến năm 2018, ông P và bà L phá bỏ căn nhà cũ của H, xây dựng nhà khác nhưng vẫn để lại phần vách tường cũ phía trước, ông P đã tháo tole, cắt đòn tay nhà bà Q, xây vách tường nhà gắn liền với phần tường cũ phía trước của bà H, lấn sang đất của bà Q, từ đó dẫn đến tranh

chấp. Bà Q khởi kiện ông P yêu cầu giải quyết. Tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bà Q và ông P đã thỏa thuận với nhau đúng như lời trình bày của ông P, bà Q rút đơn khởi kiện nhưng sau đó ông P không thực hiện. Nay bà Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày:* Bà là vợ ông P, thống nhất theo lời trình bày của ông P, không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Ph, bà Nguyễn Thị Kiều Ph, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:*

Ông bà là con của bà Q và ông L, thống nhất với lời trình bày của bà Q và bà V, không bổ sung gì thêm.

Ông Nguyễn Tiến Đ trình bày: Ông là con của ông L và bà Q, thống nhất với lời trình bày của bà Q và bà V, bổ sung thêm: Khi phát hiện ông P xây nhà lấn đất, bà Q có yêu cầu Ủy ban nhân dân TTCT giải quyết, công trình xây dựng nhà của ông P đã bị tạm ngừng nhưng ông P vẫn cố tình tiếp tục.

Bà Nguyễn Thị Như Y trình bày: Bà là con của bà Q và ông Long, thống nhất với lời trình bày của bà Q và bà V, không bổ sung gì thêm

Ông Nguyễn Phi S1, bà Nguyễn Thị Kiều Ch là con của ông L và Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh **đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P.

Ông Trần Văn P và bà Đoàn Thị L được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 2,6 m² chưa trừ lộ giới, trên đất có vách tường xây gạch, tọa lạc tại: KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

- + Đông giáp đường bê tông;
- + Tây giáp đất ông P, bà Q;
- + Nam giáp đất ông P;
- + Bắc giáp đất bà Q.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, bà Bùi Thị Q có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Phương đại diện bà Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng Q định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng Q định pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Q; sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông P phải thanh toán giá trị 2,4 m² đất tranh chấp cho bà Q với số tiền 21.120.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà Bùi Thị Q, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: **Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[2] Về nội dung: Ông P cho rằng phần đất 2,6 m² trên đất có bức tường do mẹ vợ ông xây trước khi tặng cho đất vợ chồng ông nên yêu cầu công nhận diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông, bà Q cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P.

[3] Qua đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông P có diện tích 134,8 m², tăng so với giấy chứng nhận **quyền** sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSD đất) diện tích 4,9 m², còn thửa đất do ông Long (chồng bà Q) đứng tên, đo đạc hiện trạng có diện tích 240 m², tăng so với giấy chứng nhận **quyền** sử dụng được cấp là 19,8 m². Tuy nhiên, qua xác minh Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành xác định ông P đã sử dụng lấn đường giao thông 5,2 m², sau khi trừ ra phần lấn đường thì đất ông P còn thiếu diện tích 0,3 m². Ông L lấn đường giao thông 21,8 m², sau khi trừ ra phần lấn đường thì đất ông L còn thiếu diện tích 02 m². Trên đất có 02 đoạn vách tường trong đó có 01 đoạn ngang 0,13 m, dài 1,84 m + 0,7 m + 1,04 m + 5,30 m + 0,79 m do bà H (là mẹ vợ ông P) xây từ năm 1993, đoạn còn lại 6,22 m ông P xây năm 2018. Tổng diện tích đất tranh chấp là 2,6 m²; trong đó có diện tích 0,2 m²

(0,13 m x dài 1,84 m) là đường công cộng; diện tích còn lại 2,4 m² nằm trong thửa 38 đất của bà Q. Đất có giá trị 8.800.000 đồng/ m².

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q **thấy rằng:**

Mặc dù năm 1993 khi bà H (mẹ vợ ông P) xây 01 đoạn vách tường dài 9,67 m bà Q không phản đối. Năm 2018, ông P xây nhà lầu phần đất ở phía sau lần qua đất bà Q, ông P thừa nhận có tháo tole, cửa đòn tay nhà bà Q, từ đó bà Q và ông P tranh chấp. Tháng 3 năm 2019, bà Q có khởi kiện ông P tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu giải quyết. Ngày 17 - 6 - 2019, ông P và bà Q thỏa thuận tại Tòa án là “*Vợ chồng ông P phải có nghĩa vụ tháo dỡ bức tường phía trước (đoạn 1) trả cho bà Q và các con bà Q ngang 0,5 m, ông P có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 24.500.000 đồng gồm: Bồi thường đất 20.000.000 đồng và 4.500.000 đồng chi phí thuê đo đạc*”. Bà Q rút đơn khởi kiện. Tòa án đình chỉ vụ án. Sau đó ông P không thực hiện như cam kết. Đến ngày 24-9-2019, ông P kiện bà Q yêu cầu Tòa án công nhận phần đất xây vách tường là của ông P. **Cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự “Về ranh giới giữa các bất động sản” chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là không có căn cứ. Bồi lẽ: Tại biên bản thỏa thuận ngày 17- 6 - 2019 thì ranh giới đất giữa ông P và bà Q đã được hai bên đương sự thỏa thuận lại, ông P đã thừa nhận bức tường tranh chấp là đất của bà Q và đồng ý bồi thường giá trị đất, sau đó ông P không thực hiện đúng thỏa thuận với bà Q. Kết quả đo đạc cho thấy đất tranh chấp nằm trong giấy CNQSDĐ của ông L (chồng bà Q). Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Q là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông P không phù hợp tại Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.** Tuy nhiên, qua xem xét **hiện trạng** trên đất tranh chấp có 02 đoạn vách tường, diện tích 2,6 m² trong đó xây dựng lần chiếm đường công cộng 0,2 m², còn lại 2,4 m² nằm trong giấy CNQSDĐ đất của bà Q, đoạn bức tường này là tài sản của ông P gắn liền với kết cấu căn nhà kiên cố của ông P, nếu xử lý tài sản này sẽ gây ảnh hưởng đến tài sản của ông P nên không buộc ông P phải tháo dỡ bức tường trả đất cho bà Q mà buộc ông P phải thanh toán giá trị **quyền** sử dụng đất diện tích 2,4 m² cho bà Q và các con của bà Q, ông Long số tiền 21.120.000 (hai mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng là phù hợp tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

- Phần đất 0,2 m² (ngang 0,13 m x dài 1,84 m từ mốc số 5 đến mốc số 6) bà H (mẹ vợ ông P) xây dựng là lối đi công cộng, cấp sơ thẩm giải quyết giao ông P là không đúng Q định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông P thừa nhận phần lấn chiếm lối đi công cộng và đồng ý tự nguyện tháo dỡ nên không cần hủy án phần này mà sửa án không chấp nhận yêu cầu của ông P là phù hợp.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Q, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P; sửa án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn P phải chịu số tiền 4.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản; ông P đã nộp 3.500.000 đồng, bà Q nộp tạm ứng 1.000.000 đồng thanh toán cho cơ quan đo đạc, định giá nên ông P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Q số tiền 1.000.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P là người cao tuổi được miễn án phí theo Q định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Q không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Q;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, **tỉnh Tây Ninh**.

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp diện tích 2,6 m² đất của ông Trần Văn P đối với bà Bùi Thị Q;

1.1. Ông Trần Văn P và bà Đoàn Thị Loan được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 2,4 m², trong thửa 38, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại KP n, TTCT, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

- + Đông giáp đoạn bức đường lán chiếm lối đi công cộng (móc số 6) 0,09 m;
- + Tây giáp đất ông P, bà Q (móc số 11);
- + Nam giáp đất ông P dài 14,03 m
- + Bắc giáp đất bà Q dài các đoạn 0,7 m + 1,04 m + 5,30 m + 0,79 m + 6,22 m (từ móc số 6 đến móc số 11, có sơ đồ kèm theo).

Trên đất ông P được giao có vách tường xây gạch các đoạn (từ móc số 6 đến móc số 11 trong sơ đồ).

1.2. Buộc ông Trần Văn P và bà Đoàn Thị L phải thanh toán giá trị **quyền** sử dụng đất 2,4 m² nêu trên cho bà Bùi Thị Q và các con của bà Bùi Thị Q, ông Nguyễn Văn L số tiền 21.120.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P đối với phần đất 0,2 m² (ngang 0,13 m x dài 1,84 m từ mốc số 5 đến mốc số 6) do là lỗi đi công cộng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn P phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Ghi nhận ông P đã nộp thanh toán 3.500.000 đồng, bà Q đã nộp tạm ứng số tiền 1.000.000 đồng. Buộc ông Trần Văn P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị Q số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Q không phải chịu án phí sơ thẩm;
- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn P.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Q không phải chịu án phí phúc thẩm;

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm